

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/DS-PT**

Ngày: 06/01/2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán: Bà **Thái Thị Thanh Bình**

Bà **Nguyễn Thị Lệ Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Lê Hồng Thư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04 và ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2022/QĐPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 378/2022/QĐ-PT ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bùi T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 5, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Bà **Trần L**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 17, ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần D**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 17, ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Do có kháng cáo của: Bị đơn bà Trần L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần D.

(Bà T, Bà L, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bùi T trình bày:

Ngày 01/10/2019, bà Trần L vay của Bà T số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Số tiền này Bà T đã đưa cho Bà L. Hai bên không viết giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, khi vay Bà L hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả cho Bà T. Cuối tháng 11/2019, do thấy lâu mà Bà L chưa trả nên Bà T đã tìm đến Bà L để yêu cầu trả nợ. Lúc này, Bà L trình bày chưa chuyển nhượng được quyền sử dụng đất nên xin hẹn lại thời gian trả nợ. Đồng thời Bà L đề nghị vay thêm tiền để đầu tư chuyển nhượng diện tích đất lớn hơn.

Ngày 01/12/2019, Bà T tiếp tục cho vợ chồng Bà L, ông D vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu) nhưng cũng không có giấy tờ gì cả, không thỏa thuận lãi suất và Bà L cũng hứa trong vòng một tháng sẽ trả.

Đến cuối tháng 12/2019, Bà L không liên hệ lại với Bà T để trả tiền. Do không viết giấy tờ gì mà số tiền vay đã lên đến 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu) nên Bà T đã chủ động tìm đến vợ chồng Bà L để yêu cầu trả tiền. Khi đến đòi tiền thì vợ chồng Bà L nói không có tiền trả cho Bà T đồng thời viện nhiều lý do khó khăn để Bà T thông cảm. Sau đó, vợ chồng Bà L lấy lý do cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên tiếp tục hỏi vay Bà T số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Bà T lại cho vợ chồng Bà L vay để sau khi đáo hạn, vợ chồng Bà L, ông D có tiền trả lại cho Bà T. Vì vậy gần cuối tháng 12/2019, Bà T tiếp tục cho vợ chồng Bà L ông D vay thêm số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Lần này, Bà L và ông D hứa chắc chắn sau 03 ngày sẽ đáo hạn ngân hàng và trả hết nợ cho Bà T. Tuy nhiên, một ngày sau đó thì ông D điện thoại cho vợ Bà T nói đã bị vỡ nợ.

Tất cả các lần vay đều không lập hợp đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay trong vòng một tháng và cũng không có thể chấp hay cầm cố lãi suất gì để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng Bà L, ông D đã vay của Bà T số tiền là 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, bà Bùi T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc buộc bà Trần L, ông Trần D phải trả cho Bà T số tiền vay là 2.100.000.000đ (Hai tỷ một trăm triệu), không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Trần L trình bày:

Đầu năm 2017 (khoảng tháng 1-2) Bà T có nói với Bà L là có một số tiền nhàn rỗi không biết làm gì muốn cho vay để kiếm lãi hàng tháng và Bà T có ngỏ ý mua nhờ bà có người nào vay tiền làm ăn thì giới thiệu cho Bà T. Bên cạnh nhà mẹ chồng Bà L có bà P có lần hỏi xem bà có ai cho vay tiền thì giới thiệu cho bà P nên Bà L đã gọi điện thoại và thông báo cho Bà T là người có tiền vay thì Bà T đồng ý và đưa ra giá vay là 100.000.000 đồng lãi suất 3.000.000 đồng/tháng. Bà L có nói

với bà P về giá vay của Bà T đưa ra và bà P đồng ý vay với mức lãi suất như trên, tổng cộng là 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 8/2017, bà P vay của Bà T số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 1.500.000 đồng/tháng.

Lần 2: Tháng 10/2017, bà P vay của Bà T số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất 6.000.000 đồng/tháng.

Lần 3: Ngày 17/2017 bà P vay của Bà T số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất 1.500.000 đồng/tháng.

Lần 4: Ngày 27/2017, bà P vay của Bà T số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 9.000.000 đồng/tháng.

Tổng cộng bà P đã vay của Bà T số tiền 600.000.000 đồng và bà P phải trả lãi cho Bà T số tiền 18.000.000 đồng/tháng.

Những lần giao tiền và lấy tiền lãi hàng tháng của bà P, Bà T đều nhờ Bà L lấy dùm và mang lên nhà vì Bà T muốn giấu gia đình chuyện cho vay tiền. Vì muốn giúp cho bạn mình nên Bà L đã đồng ý.

Hàng tháng bà P đều đặn đưa tiền lãi cho Bà T đến hết năm 2017. Do công việc làm ăn của bà P thua lỗ không có khả năng chi trả gốc và lãi cho Bà T nên bà P đã bán nhà và rời nhà đi chỗ khác. Khi biết sự việc trên, Bà L rất lo sợ, hoang mang vì đã lỡ giới thiệu bà P cho Bà T. Bà L đã âm thầm gánh số tiền cho bà P và hàng tháng phải đóng lãi cho Bà T thay cho bà P.

Do kinh tế gia đình Bà L không khá giả, công việc chính của bà là bán bánh mì nên hàng tháng Bà L phải chật vật xoay sở số tiền đóng lãi hàng tháng cho Bà T là 18.000.000 đồng/tháng và Bà L đã vay lại tiền của Bà T để đóng lãi cho Bà T với mức lãi khác nhau, cụ thể vào đầu năm 2018:

Lần 1: Bà L vay của Bà T tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng (chia ra vay nhiều lần mỗi lần 20.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 25.000.000 đồng...) với mức lãi suất 2.000.000 đồng/tháng. Mục đích vay là để đóng tiền lãi cho Bà T.

Lần 2: Bà L vay tổng cộng là 150.000.000 đồng (chia ra làm nhiều lần) nhưng lần này không lấy lãi. Mục đích vay cũng để đóng tiền lãi cho Bà T.

Lần 3: Bà L vay của Bà T số tiền tổng cộng là 600.000.000 đồng (chia ra làm nhiều lần) với mức lãi là 15.000.000 đồng/tháng. Mục đích vay là để đóng tiền lãi cho Bà T.

Lần 4: Lần này cả hai vợ chồng Bà T và ông Nhân cho Bà L vay số tiền 550.000.000 đồng (chia ra làm nhiều lần) với mức lãi ngày, nghĩa là cứ vào ngày phải trả cả gốc và lãi, số tiền 100.000.000 đồng/01 ngày lãi suất là 250.000 đồng/ngày. Cứ vài ngày Bà T, ông Nhân đòi cả gốc và lãi (số tiền vay lãi tính theo ngày).

Vào khoảng tháng 10/2019 thì bà Pvề, có gặp Bà L và nói có gom được số tiền 198.000.000 đồng và muốn trả bớt cho Bà T. Bà L nói cho Bà T về số tiền bà Pmuốn trả thì Bà T đồng ý. Bà T đã nhắn tin số tài khoản của ông Lê Văn Nhân (là chồng của Bà T). Bà Pđã nhờ anh Bùi Thế Vương (con trai của bà Phụng) chuyển trả số tiền 198.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Nhân. Khi nhận được tiền thì Bà T cũng đã thông báo cho Bà L biết. Và Bà L đã đóng lãi đầu đủ cho Bà T từ đầu năm 2017 đến tháng 12/2019.

Đến khi số tiền đóng lãi cho Bà T (thay cho bà Phụng) đã quá nhiều không còn khả năng trả nợ thì Bà L có nói sự thật cho Bà T mong Bà T thông cảm nhưng Bà T không đồng ý và bắt Bà L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đó.

Từ khi sự việc xảy ra, vì lo sợ chồng cũng như bố mẹ chồng biết nên Bà L đã giấu không cho ai biết. Đến cuối năm 2019 do không thể xoay sở được nên Bà L đã nói cho chồng cũng như bố mẹ chồng biết.

Nay Bà T yêu cầu Bà L và ông Dphải trả cho Bà T số tiền 2.100.000.000 đồng thì Bà L không đồng ý vì Bà L vay tiền của Bà T cũng vì mục đích trả lãi thay cho bà Pchứ không phải vì mục đích cá nhân của Bà L.

- ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần D*** được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Dvẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Trần D đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi T.

Tại phiên tòa, Bà T thừa nhận có khoản tiền 196.000.000 đồng từ tài khoản tên Bùi Thế Vương chuyển vào tài khoản của chồng bà là ông Lê Văn Nhân. Bà đồng ý trừ số tiền này vào số tiền vay của Bà L đã vay. Do đó, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu Bà L và chồng là ông Dcùng có trách nhiệm trả số tiền vay là 1.904.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 05-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi T về việc yêu cầu bà Trần L và ông Trần D trả tiền vay.

Buộc bà Trần L và ông Trần D cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi T số tiền nợ vay là 1.904.000.000đ (một tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 16/9/2022, bị đơn bà Trần L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 05-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của Bà L không có cơ sở để xem xét bởi vì tài liệu Bà L cung cấp kèm theo đơn kháng cáo là tài liệu photo, không phải là tài liệu gốc nên không được xem là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, trong tài liệu này không thể hiện địa chỉ của bà P nên Tòa án không thể triệu tập bà P đến Tòa để làm rõ sự thật của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm Bà L cung cấp thêm nhân chứng là bà P, qua lời khai và đối chất tại Tòa giữa Bà T- Bà L- bà P thể hiện Bà T cho Bà L vay tiền chứ không cho bà P vay tiền, vì vậy không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi đường lối giải quyết. Vì lẽ trên, không chấp nhận kháng cáo của Bà L,

Xét kháng cáo của ông Trần D: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà L là thiếu căn cứ pháp luật vì mục đích Bà L vay tiền không nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu gia đình như Bà T trình bày.

Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc một mình Bà L trả cho Bà T số tiền 1.904.000.000đ, không buộc ông D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với Bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Theo hồ sơ thể hiện Bà L có vay tiền của Bà T nhiều lần. Khi vay hai bên không lập văn bản, nhưng căn cứ vào lời khai của Bà L tại Công an huyện Xuân Lộc và tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đủ cơ sở xác định: Bà L có nhận của Bà T 600.000.000 đồng làm nhiều lần, sau đó là 1.500.000.000 đồng, tổng cộng

2.100.000.000đ. Theo Bà T thì Bà L là người vay, mục đích để kinh doanh đất đai, không thỏa thuận lãi. Còn theo Bà L thì đây là tiền Bà L vay dùm bà P, lãi 3%/tháng, Bà L đã trả rất nhiều tiền lãi cho Bà T nhưng không có chứng cứ chứng minh. Sau đó vào ngày 06/11/2019 trong tài khoản của ông Lê Văn Nhân (chồng Bà T) có nhận được khoản tiền 196.000.000đ với nội dung “*Bùi Thế Vương CT cho chị Loan*” (tức Bùi Thế Vương con bà Pchuyển trả cho chị Loan), vì vậy Bà T đồng ý trừ 198.000.000đ này vào nợ gốc theo đề nghị của Bà L, như vậy nợ gốc còn 1.904.000.000đ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 58/TB-TA ngày 18/3/2022 yêu cầu Bà L, ông Dcung cấp họ tên, địa chỉ của bà P, ông Vđể Tòa án xác minh làm rõ (BL 95-98). Tuy nhiên, Bà L và ông Dkhông cung cấp được nên không làm việc được với bà P, ông Vương.

Xét kháng cáo của Bà L không có cơ sở để xem xét bởi vì tài liệu Bà L cung cấp kèm theo đơn kháng cáo là tài liệu phô tô, không phải là tài liệu gốc nên không được xem là chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm Bà L cung cấp thêm nhân chứng là bà P, qua lời khai và đối chất tại Tòa giữa Bà T – Bà L – bà Pthể hiện Bà T cho Bà L vay tiền, không phải cho bà P vay tiền, bà Ptrình bày “*Bà L là người trực tiếp đưa tiền cho bà và bà trả lãi cho Bà L hàng tháng*”. Bà T cũng xác định không biết bà Plà ai và số tiền vay đưa trực tiếp cho Bà L không có lãi suất. Vì vậy, Bà L nhận tiền vay trực tiếp từ Bà T nên Bà L phải có nghĩa vụ trả tiền cho Bà T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm buộc Bà L trả Bà T 1.904.000.000đ là đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Trần D nhận thấy: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Dcùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà T là thiếu căn cứ pháp luật bởi lẽ: Mặc dù Bà L vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với ông Dcòn đang tồn tại, nhưng Bà L khai mục đích vay tiền là vay dùm bà P, sau đó là vay để trả lãi dùm bà P(Bà L và bà Plà hàng xóm của nhau); Bà L khai không vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình hay vay để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất như Bà T trình bày và bà chỉ đứng ra nhận tiền từ Bà T giúp cho bà P, ông Dchồng bà không biết sự việc này. Khi vay, các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập hợp đồng, Bà L và Bà T đều trình bày khác nhau về mục đích vay tiền nên không có cơ sở xác định mục đích vay nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình như Bà T trình bày.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần D, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc một mình Bà L trả tiền cho Bà T, không buộc ông Dcùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với Bà L.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ

thẩm số tiền 69.120.000đ

Bị đơn bà Trần L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Trần D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm:

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần D; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần L; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 05-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH 12, ngày 27/02/2009; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi T về việc yêu cầu bà Trần L phải trả tiền vay.

Buộc bà Trần L có trách nhiệm trả cho bà Bùi T số tiền vay là 1.904.000.000đ (một tỷ chín trăm lẻ bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần L phải chịu 69.120.000đ (Sáu mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi T số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004290 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ Bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006750 ngày 19/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Trần D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông D300.000đ tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006751 ngày 19/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Xuân Lộc;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS H. Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Thu Hương

